

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2022/DS-ST  
Ngày: 22-9-2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị X.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Trung Tiến.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Trần Thị Ngọc X, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn:* Trần Thị Kim T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*(Chị X xin vắng mặt, chị T vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc X trình bày:*

Chị có quen biết với chị T trong thời gian đi làm công ty chung nên chị T có hỏi mượn tiền của chị nhiều lần. Vào ngày 05/10/2021 chị T và chị có tổng kết số tiền chị T còn nợ chị là 230.000.000 đồng, các lần chị T mượn tiền để giải quyết chuyện gia đình, chị T có làm biên nhận cho chị số tiền 230.000.000 đồng. Khi chị T mượn tiền của chị thì chị T đang ở nhà cha mẹ ruột tại ấp Bình Đông Trung,

xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên trong biên nhận chị T ghi địa chỉ ở ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang nhưng hộ khẩu thường trú của chị T tại khu phố 6, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Khi mượn tiền thỏa thuận miệng trả lãi suất 2,5%/tháng nhưng chị T chỉ trả chị tiền lãi đến tháng 6/2021 thì ngưng không trả vốn và lãi do dịch bệnh covid-19.

Sau đó, gần tết năm 2022 chị T có hỏi mượn chị thêm số tiền 32.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng rồi vay tiền thêm trả tiền cho chị nhưng không có làm biên nhận do chị T hẹn vài bữa trả tiền, sau khi vay tiền xong thì chị T lại không trả tiền cho chị. Tổng cộng chị T nợ chị số tiền 262.000.000 đồng. Vào tháng 4/2022 chị có gặp chị T đòi tiền nhưng chị T né tránh, chị T hẹn chị đợi chị T bán ruộng sẽ trả tiền nhưng đến nay chị T vẫn không trả tiền cho chị và còn nợ chị số tiền 262.000.000 đồng.

Do số tiền 32.000.000 đồng chị T không có làm biên nhận cho chị nên chị xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 32.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị T trả cho chị số tiền 230.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị T trả cho chị số tiền 230.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn chị Trần Thị Kim T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc X khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Kim T trả số tiền vay là 230.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc X có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị Kim T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị X và chị T.

[3] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu:

Chị Trần Thị Ngọc X có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện số tiền 32.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị X rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện,

phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc X, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Chị X có quen biết với chị T trong thời gian đi làm công ty chung nên chị T nên chị X có cho chị T vay tiền nhiều lần, ngày 05/10/2021 chị T có tổng kết nợ còn nợ chị X số tiền 230.000.000 đồng, chị T có ký tên biên nhận cho chị X và thỏa thuận miệng lãi suất 2,5%/tháng, chị T có trả lãi cho chị X đến tháng 6/2021 thì ngưng do dịch bệnh covid-19. Đến gần tết năm 2022 chị T có vay chị X thêm số tiền 32.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng vài hôm trả lại nhưng chị T không trả, chị X đã có yêu cầu chị T trả tiền vào tháng 4/2022 nhưng chị T không trả nên chị X khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị X đã cung cấp cho Tòa án giấy cam kết mượn nợ do chị T viết và ký tên số tiền nợ 230.000.000 đồng. Phía chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy chị T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị T còn nợ chị X số tiền 230.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền 230.000.000 đồng.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu chị T trả tiền lãi

[4.3] Về thời gian trả tiền: Chị X yêu cầu chị T trả cho chị X số tiền 230.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của chị X làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị X. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị T trả cho chị X số tiền 230.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị X được Tòa án chấp nhận nên chị T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc X đối với số tiền 32.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc X.

Buộc chị Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Ngọc X số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Trần Thị Ngọc X có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Trần Thị Kim T không trả số tiền trên thì hàng tháng chị T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị Kim T phải chịu 11.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Trần Thị Ngọc X 6.550.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006310 ngày 11/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Võ Thị X**